TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 33/2022/KDTM-GĐT
Ngày 23 tháng 11 năm 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thành Quang;
Các thành viên: Ông Nguyễn Văn Sơn;
Ông Vũ Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:* Bà Vũ Thị Thúy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh, thương mại "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty D (HK) Limited; địa chỉ: FlatA, 1/F, Por Mee Factory Building, 500 Castle Peak Road, Kowloon, Hong Kong. Người đại diện theo pháp luật: Ông T1 Matsuda - Chức vụ Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Trọng H (Văn bản ủy quyền ngày 03/02/2020); địa chỉ: Công ty Luật G, phòng 1603, tầng 16, tòa tháp T, số 57 đường L, quận B, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Công ty U Corporation; địa chỉ: Khu công nghiệp Q, thị trấn M, huyện L, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông T2 Matsuda - Chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thu H (Giấy ủy quyền ngày 22/10/2020); địa chỉ: Phòng 308 Chung cư SĐ, đường N, quận T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty D (HK) Limited do người đại diện trình bày:

Công ty D (HK) Limited có trụ sở tại Hồng Kông (sau đây viết tắt là Công ty D) cho Công ty U Corporation có trụ sở tại Việt Nam (sau đây viết tắt là Công ty U) vay tổng số tiền là 300.000 USD theo 4 hợp đồng vay tiền (ngày 30/4/2010 vay 50.000 USD, ngày 13/5/2010 vay 100.000 USD, ngày 09/6/2010 vay 50.000 USD, ngày 28/4/2011 vay 100.000 USD). Hợp đồng vay tiền có chữ ký của đại diện Công ty D (HK) là ông T1 Matsuda và đại diện Công ty U là ông K Hwan. Do Công ty U không trả tiền theo các hợp đồng vay đúng hạn nên Công ty D (HK) khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty U phải trả số tiền nợ gốc của 04 hợp đồng là 300.000 USD và tiền lãi là 146.160 USD, tổng là 446.160 USD quy đổi theo tỷ giá là 10.382.143.200 VNĐ. Công ty D (HK) ủy quyền cho ông Võ Trọng H tham gia tố tụng, việc ủy quyền đã được công chứng ở nước ngoài và hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là Công ty U do người đại diện trình bày: Công ty U do Ông T2 Matsuda là người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho bà Nguyễn Thu H1 tham gia giải quyết vụ án. Bà H1 thừa nhận Công ty U còn nợ Công ty D (HK) số tiền nêu trên và đồng ý trả nợ gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 31/2020/QĐST-KDTM ngày 17/12/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa nguyên đơn là Công ty D (HK) Limited với bị đơn là Công ty U Corporation.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty D (HK) Limited (sau đây gọi là nguyên đơn) và Công ty U Corporation (sau đây gọi là bị đơn) cùng xác nhận là bị đơn hiện còn nợ nguyên đơn tiền vay gốc và lãi theo các hợp đồng vay liệt kê dưới đây với tổng số tiền là 446.160 USD tương ứng với 10.382.143.200 VND (các bên thống nhất quy đổi từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá do Vietcombank công bố trên website ngày 29/7/2020, 1 USD=23.270VND):

- Số tiền 100.000 USD tương ứng với 2.327.000.000 VND theo Hợp đồng vay ký ngày 28/04/2011 và Giấy chuyển tiền ngày ngày 29/04/2011.

- Số tiền 173.080 USD tương ứng với 4.027.571.600 VND đối với Hợp đồng vay ký giữa nguyên đơn và bị đơn ngày 13/05/2010. Trong đó nợ gốc 100.000 USD tương ứng với 2.327.000.000 VND, nợ lãi 0,58%/tháng cho 126 tháng (từ ngày 13/05/2010, tạm tính đến ngày 13/11/2020). Tổng lãi của Hợp đồng 100.000 USD x 0.58% x 126 = 73.080 USD tương ứng với 1.700.571.600 VND.

- Số tiền 86.250 USD tương ứng với 2.007.037.500 VND đối với Hợp đồng vay ký giữa nguyên đơn và bị đơn ngày 09/06/2010. Trong đó nợ gốc 50.000 USD tương ứng với 1.163.500.000 VND, nợ lãi 0.58%/ tháng cho 125 tháng (từ ngày 09/06/2010, tạm tính đến ngày 09/11/2020). Tổng lãi của Hợp đồng 50.000 USD x 0.58% x 125 = 36.250 USD tương ứng với 843.537.500 VND.

- Số tiền 86.830 USD tương ứng với 2.020.534.100 VND đối với Hợp đồng vay ký giữa nguyên đơn và bị đơn ngày 30/04/2010. Trong đó nợ gốc 50.000 USD tương ứng với 1.163.500.000 VND, nợ lãi 0.58%/ tháng cho 127 tháng (từ ngày 30/04/2010, tạm tính đến ngày 30/11/2020), Tổng lãi của Hợp đồng 50.000 USD x 0.58% x 127 = 36.830 USD tương ứng với 857.034.100 VND.

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất phương án thanh toán khoản nợ nêu trên như sau:

Trong vòng 15 ngày kể từ ngày Toà án ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 446.160 USD tương ứng với 10.382.143.200 VND (mười tỷ ba trăm tám mươi hai triệu một trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm đồng).

Hết thời hạn trên mà bị đơn không thanh toán thì bị đơn tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên tổng số nợ còn lại chưa thanh toán (với mức lãi suất 20%/năm) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong trường hợp bị đơn không thanh toán theo đúng thời gian nêu trên, nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí.

Tại Công văn số 198/UBTP15 ngày 19/10/2021, Ủy ban Tư pháp của Quốc hội chuyển đơn của ông Nguyễn Chí D (là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH may mặc xuất khẩu V, viết tắt là Công ty V) đề nghị xem xét Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm với nội dung: Theo giấy chứng nhận đầu tư kiêm đăng ký kinh doanh của Công ty U thì đến nay Ông T2 Matsuda vẫn là người đại diện theo pháp luật của Công ty U (mặc dù hội đồng quản trị đã họp và thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty), trong khi các hợp đồng vay tiền lại do ông K Hwan là Tổng giám đốc ký, có một hợp đồng ngày 28/4/2011 (ông K Hwan ký sau khi hội đồng quản trị họp miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc vào ngày 27/12/2010); Công ty U đã ngừng hoạt động từ năm 2011, các nhân sự là người nước ngoài đã về nước, hiện nay tài sản là nhà xưởng, máy móc do Công ty V đang quản lý nên việc Tòa án không đưa Công ty V tham gia tố tụng là ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty V; việc vay vốn giữa Công ty U và Công ty D (HK) thì Công ty V hoàn toàn không biết, số tiền vay không được đưa vào Công ty; theo Biên bản họp hội đồng quản trị bất thường ngày 26/4/2011, các bên thỏa thuận thứ tự ưu tiên thanh toán cho công nhân và các nhà cung cấp trước khi thanh toán các khoản vay.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 10/2022/KN-KDTM ngày 31/5/2022, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 31/2020/QĐST-KDTM ngày 17/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 31/2020/QĐST-KDTM ngày 17/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Công ty U Corporation (Công ty U) được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 192023000125 cấp ngày 15/7/2008 bởi Ban quản lý các khu công nghiệp P (Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 012023000208 ngày 08/4/2009) là liên doanh giữa 3 Công ty gồm: Công ty D INC có trụ sở tại Nhật Bản (sau đây viết tắt là Công ty D (NB)), Công ty I Corporation có trụ sở tại Nhật Bản (sau đây viết tắt là Công ty I) và Công ty TNHH may mặc xuất khẩu V có trụ sở tại Khu công nghiệp Q, huyện L, thành phố Hà Nội, Việt Nam (sau đây viết tắt là Công ty V). Theo thỏa thuận góp vốn thì vốn điều lệ của doanh nghiệp là 2.700.000 USD tương đương với 43.200.000.000 VNĐ, trong đó Công ty D (NB) góp 1.350.000 USD tương đương 21.600.000.000 VNĐ (góp bằng tiền mặt), chiếm 50% vốn điều lệ; Công ty I góp 270.000 USD tương đương 4.320.000.000 VNĐ (góp bằng tiền mặt), chiếm 10% vốn điều lệ; Công ty V góp 1.080.000 USD tương đương 17.280.000.000 VNĐ (góp bằng cơ sở vật chất) gồm nhà xưởng số 3 với diện tích 4.320m^2, một phần kho nhà số 4 với tổng diện tích 1.440m^2, 16 chuyền may và 1/3 cơ sở hạ tầng, chiếm 40% vốn điều lệ. Ngày 26/4/2011, Hội đồng quản trị Công ty U họp và thống nhất tạm dừng các hoạt động sản xuất và kinh doanh tại Việt Nam từ ngày 01/5/2011 do tình hình thảm họa động đất, sóng thần tại Nhật Bản. Sau thời điểm trên đến nay, Công ty U không còn hoạt động sản xuất, kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam.

[2] Tại Công văn số 1565/BQL-VP ngày 09/12/2016 của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất N trả lời Công ty Luật G về thông tin liên quan đến Công ty U có nội dung: "Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Q, huyện L, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật là Ông T2 Matsuda (quốc tịch Nhật Bản). Hiện tại, dự án đã dừng hoạt động". Theo quy định tại khoản 5 Điều 48 Luật Đầu tư năm 2020 quy định "Việc xử lý quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất khi chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan". Thực tế, ngày 26/04/2011, Hội đồng quản trị Công ty U họp và thống nhất tạm dừng các hoạt động sản xuất và kinh doanh tại Việt Nam từ ngày 01/5/2011. Hiện nay, Công ty U không còn hoạt động sản xuất, kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam, tại Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 26/04/2011 của Công ty U các bên đều thống nhất về thứ tự ưu tiên thanh toán khi giải thể là các chi phí cho công nhân và các nhà cung cấp xong mới đến trả nợ các khoản vay. Hiện nay, tài sản của Công ty U còn lại chính là tài sản có nguồn gốc từ phần vốn góp của Công ty V (bao gồm tài sản gắn liền với đất là nhà xưởng, cơ sở hạ tầng) và đều nằm trên phần đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty V nên khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm phải đưa Công ty V tham gia tố tụng mới đúng quy định pháp luật và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

[3] Hồ sơ vụ án thể hiện, Ông T2 Matsuda ủy quyền cho bà Nguyễn Thu H1 tham gia tố tụng ngày 22/10/2020. Tuy nhiên, Giấy ủy quyền này chỉ có chữ ký của Ông T2 Matsuda mà không có dấu của Công ty U. Trong khi đó, tại Biên bản giao nhận ngày 19/10/2020 của Tòa án (Thông báo thụ lý số 448/TB-TLVA ngày 14/10/2020 và Giấy triệu tập ngày 15/10/2020) cho Công ty U thì bà H1 là người ký nhận. Theo tài liệu trong hồ sơ thể hiện thì bà H1 là nhân viên của Công ty Luật G (cùng Văn phòng Luật sư với ông H là đại diện của nguyên đơn). Tòa án chưa làm rõ khi ký giấy ủy quyền cho bà H1 thì Ông T2 Matsuda đang ở Việt Nam hay ở nước ngoài để có căn cứ xác định giấy ủy quyền này là đúng chữ ký của người ủy quyền và quy định pháp luật. Trường hợp Ông T2 Matsuda đang ở Việt Nam thì Giấy ủy quyền phải đóng dấu của Công ty U (như trường hợp hình thức đơn khởi kiện quy định tại khoản 3 Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự và hình thức đơn kháng cáo khoản 4 Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự). Trường hợp Ông T2 Matsuda không có mặt tại Việt Nam thì phải hợp pháp hóa lãnh sự mới đủ căn cứ xác định chữ ký và việc ủy quyền của Ông T2 Matsuda cho bà H1 là đúng theo quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 2, Điều 3 Nghị định 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ quy định về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận bà H1 là người đại diện hợp pháp của bị đơn là chưa đủ căn cứ và có dấu hiệu không khách quan, ảnh hưởng đến việc thỏa thuận của các bên đương sự.

[4] Xét các Hợp đồng vay ngày 30/4/2010, ngày 13/5/2010, ngày 09/6/2010 và ngày 28/4/2011 được ký kết giữa đại diện Công ty U và Công ty D (HK). Tại Hồ sơ vụ án thể hiện Hợp đồng vay ngày 28/4/2011 thì đại diện Công ty U là bà Lê Thị Kim O (Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng) ký, còn các Hợp đồng vay ngày 30/4/2010, ngày 13/5/2010, ngày 09/6/2010 thì đại diện Công ty U là ông K Hwan ký. Tuy nhiên, Công ty V cung cấp (kèm theo đơn đề nghị giám đốc thẩm) Hợp đồng vay ngày 28/4/2011 thì phần đại diện Công ty U là ông K Hwan ký và Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty U ngày 27/12/2010 có nội dung giao cho ông J Song làm Tổng giám đốc thay ông K Hwan. Trong khi đó, theo xác minh tại cơ quan chức năng thì người đại diện theo pháp luật của Công ty U vẫn là Ông T2 Matsuda. Do đó, khi giải quyết vụ án, Tòa án phải xác định thẩm quyền và người ký các hợp đồng nêu trên để việc giải quyết vụ án được chính xác và toàn diện.

[5] Theo quy định của Điều 17, Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005 thì tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng và cá nhân được vay, trả nợ nước ngoài theo nguyên tắc tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ phù hợp với quy định của pháp luật. Tại khoản 2 Điều 17 Pháp lệnh ngoại hối quy định: "Người cư trú là tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng và cá nhân phải tuân thủ các điều kiện vay, trả nợ nước ngoài, thực hiện đăng ký khoản vay, mở và sử dụng tài khoản, rút vốn và chuyển tiền trả nợ, báo cáo tình hình thực hiện khoản vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận đăng ký khoản vay trong phạm vi tổng hạn mức vay vốn nước ngoài do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hằng năm". Tại khoản 3 Điều 21 Nghị định 160/2005/NĐ-CP ngày 28/12/2005 của Chính phủ về Hướng dẫn pháp lệnh Ngoại hối năm 2005 cũng quy định các

khoản vay nợ nước ngoài phải được Ngân hàng Nhà nước xác nhận, đăng ký. Tại Điều 8 Điều Lệ Công ty U cũng quy định về vốn vay: "Nếu Pháp luật Việt Nam yêu cầu, Công ty sẽ xin phép cơ quan chức năng phê chuẩn, các giấy phép để Công ty có thể vay vốn bằng ngoại tệ". Như vậy, pháp luật quy định việc vay ngoại hối của tổ chức kinh tế đối với nước ngoài phải đăng ký với cơ quan chức năng và phải được sự cho phép. Hồ sơ vụ án không thể hiện việc đăng ký vay vốn và việc cho phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên Tòa án công nhận việc vay nợ và trả lãi của các đương sự trong trường hợp này là chưa đủ căn cứ.

[6] Ngày 03/2/2020, Công ty D (HK) khởi kiện, đơn khởi kiện có chữ ký của người đại diện và dấu của Công ty, có hợp pháp hóa lãnh sự. Ngày 03/2/2020, Công ty D (HK) ủy quyền cho ông H, có hợp pháp hóa lãnh sự. Ngày 29/7/2020, Công ty D (HK) nộp đơn khởi kiện bổ sung nhưng người ký đơn khởi kiện bổ sung là ông H. Như vậy, đơn khởi kiện bổ sung không đúng quy định tại khoản 3 Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

1. Hủy toàn bộ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 31/2020/QĐST-KDTM ngày 17/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa nguyên đơn là Công ty D (HK) Limited với bị đơn là Công ty U Corporation.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội (kèm hồ sơ);
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Công ty V-Garment;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu P.HCTP-VP, P.GĐKT2, HSVA, HSGĐT.

TM. UỶ BAN THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Chu Thành Quang